TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 202/2017/QĐST- HNGĐ	*Thọ Xuân, ngày 01 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa:

Chị Đỗ Thị Kim C, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn M T 2, xã X B, huyện T X, tỉnh TH.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn 3, xã X B, huyện T X, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim C

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên thuận tình ly hôn.

Về con: Chị Đỗ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 17/8/2015. Ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Ngọc cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu

đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Ngọc tròn 18 tuổi.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H thống nhất: Vợ chồng chưa mua sắm được tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Đỗ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H thống nhất: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H thống nhất thoả thuận: Chị C chịu trách nhiệm nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2014/0000624 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị C được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn H phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tố Như